**TỨ THÁNH ĐẾ**

1. **Tầm quan trọng của Tứ Diệu Đế**

* Bài kinh đầu tiên được đức Phật thuyết giảng cho 3 anh em Kiều Trọng Như là Tứ Thánh Đế
* Bài kinh cuối cùng được đức Phật nhắc lại trước khi qua đời tại Ku Shi Na Ga cũng là bài kinh Tứ Thánh Đế
* Vì tầm quan trọng của bài kinh này lần đầu tiên Chuyển Pháp Luân, trước khi nhập niết bàn, Đức Phật nhắc nhở các đệ tử xuất gia và tại gia phải thực tập theo bài kinh nhằm giải quyết vấn nạn nỗi đâu của cá nhân, gia đình, cộng đồng, xã hội, quốc gia, toàn cầu.
* Truyền thống đạo Phật của Trung Quốc đặt nặng tính mầu nhiệm, nên chữ Ariza có nghĩa đen là Thánh lại được Trung Quốc phiên dịch lại thành Diệu. Ariza Chacka tức Thánh Đế tức việc thực tập theo sẽ giúp một người bình thường thực tập theo sẽ thành Thánh Nhân

1. **Trong suốt 45 năm chia sẽ chân lý, tại sao Đức Phật không chọn bài kinh nào khác mà lại là kinh Tứ Thánh Đế, còn được gọi là kinh Đại Chuyển Pháp Luân**

Điều 1: Để hiểu được điều này cần nhắc lại 3 học thuyết tôn giáo quan trọng tại Ấn Độ thời bấy giờ bao gồm:

1. *Thần Ý Luận*

Tức cho rằng cuộc sống của con người, vạn vật đều do Thượng Đế sắp đặt và an bài, nỗ lực thay đổi vận mệnh của con người chỉ là trò đùa đành hanh của con người với Thượng Đế và bằng cách này Bà La Môn giáo đã đè bẹp ý chí thay đổi vận mệnh của con người từ đó người Ấn Độ đành chấp nhận 4 giai cấp:

* Giai cấp vua chúa (quản trị quốc gia)
* Giai cấp Bà La Môn (làm công việc tôn giáo)
* Giai cấp Thương Gia (làm công việc vận hành nền kinh tế)
* Giai cấp Thủ Đà La (làm công việc ô sin, phục dịch cho các giai cấp trên).

Thần Ý Luận đã làm cho con người chấp nhận số phận của mình theo công thức “bắt phong trần phải phong trần, cho thanh cao mới đặng phần thanh cao” và học thuyết này đã tạo nổi khổ niềm đau cho hàng triệu người trong lịch sử của Ấn Độ suốt mấy ngàn năm

1. *Định Mệnh Luận*

Dầu không ảnh hương trực tiếp từ Thần Ý Luận, những nhà Bà La Môn chủ trương rằng mọi thứ trong cuộc đời đều đã được lập trình sẵn rồi, thân phận con người, số phận của các loài động vật và tất cả những gì xảy ra với chúng ta ngày hôm nay đều được học thuyết này cho rằng đó là do “nhân tiền định”, tức là của một kiếp sống quá khứ nào đó bây giờ chúng ta chỉ trả quả về những gì mà chúng ta đã làm bao gồm tốt và xấu, quan điểm đó đã làm cho rất nhiều người không truy tìm nguyên nhân của khổ đau, đổ lỗi cho quá khứ và chấp nhận quá khứ là một cái gì đó quyết định chi phối cuộc sống và vận mệnh của chúng ta,

Học thuyết này có mối quan hệ với Thần Ý Luận ít nhất là 70%, gắn kết số phận của con người với cái gì đó mà lẽ ra con người phải là chủ thể nhưng đằng này con người lại chỉ như là một con lật đật mà thôi

1. *Vô Nhân Luận*

Đây là học thuyết duy vật cổ xưa tại Ấn Độ cho rằng con người có mặt trên kiếp sống này là từ ngay kiếp hiện tại này do đó sau khi chết con người sẽ kết thúc sự sống, mọi hành động của con người ở kiếp này sẽ không có hậu quả ở kiếp tương lai vì dấu chấm cuối cùng của cuộc đời đã làm cho người tốt và kẻ xấu đều có kết cuộc như nhau

Tưởng chừng như có sự tiến bộ giữa 2 trường phái Thần Ý Luận và Định Mệnh Luận, chủ trương của các nhà tôn giáo và Vô Nhân Luận lại rơi vào một cực đoan khác đó là cuộc sống này không có kết quả trong tương lai, cho nên dầu có phấn đấu nổ lực nhiều như thế nào đi chăng nữa người ta vẫn ỷ lại, người tốt và kẻ xấu có một kết cục như nhau. Do đó chủ trương Vô Nhân Luận đã làm cho người ta thực dụng hơn và thiển cận hơn, đánh mất tính trách nhiệm về các hành vi đạo đức của chính mình.

*Kết luận*

Thấy rất rõ những nguy hại của 3 trường phái triết học vừa nêu, Đức Phật cho rằng mọi nỗi khổ niềm đau của kiếp người và rộng hơn là của các loài động vật đều có nguyên nhân sâu xa của nó, thay vì đổ lỗi cho ông Thượng Đế không có thật, quy trách nhiệm cho các vị thần linh không có thật, cho rằng không có nguyên nhân của nổi khổ niềm đau hay là hạnh phúc, Đức Phật nhìn thấy rất rõ con người là tác nhân của các hành vi và do đó con người phải gánh lấy kết quả dù tốt, dù xấu của các hành vi do mình gây ra một cách cố ý hay vô tình.

Do đó, bài kinh Tứ Thánh Đế đã được Đức Phật thuyết giảng trên nền tảng:

* Hai vế đầu, phân tích, truy tìm nguyên nhân của khổ đau.
* Hai vế còn lại, phân tích và hướng dẫn con đường để giải thoát khỏi khổ đau.

Trong các bài kinh Ba Li, Đức Phật đúc kết cốt lõi các bài giảng của ngài như sau: “Này các đệ tử, xưa cũng như nay, Như Lai chỉ thuyết giảng có 2 nội dung: thứ nhất, vạch mặt chỉ tên khổ đau; thứ hai, chỉ ra con đường ngắn nhất, toàn diện nhất để kết thúc khổ đau”

Bài kinh Tứ Thánh Đế đã trở thành bài kinh cột sống của toàn bộ triết học và đạo đức được Đức Phật giảng dạy trong suốt 45 năm.

Do đó, người tu học Phật, xuất gia và tại gia chỉ cần nắm được cốt lõi, phương pháp giải quyết khổ đau của Tứ Thánh Đế ta có thể giải quyết tất cả các vấn nạn mà chúng ta đang phải đối diện.

Điều 2: Thừa nhận khổ đau là một hiện thực

Chỉ có những người liêm khiết tri thức và bản lĩnh vững vàng mới dám tự đánh giá các bế tắc mà mình đang gặp phải, thông thường con người có 3 thái độ sai lầm về các vấn nạn mà con người đang gặp phải:

* *Thái độ 1: cường điệu hoá khổ đau*

Tức là khổ đau 1, ta hình dung như 10, bằng hạt cát ta tưởng như một tảng đá, bằng tảng đá ta đánh đồng nó như một quả núi, cứ như thế bản chất của nổi khổ niềm đau rất nhỏ nhưng được chúng ta làm cho nó lớn lên và cứ như vậy chúng ta đã vô tình biến mình trở thành nạn nhân từ nhận thức sai lầm về bản chất thật của nổi khổ niềm đau mà ta đang đối diện.

* *Thái độ 2: Phớt lờ khổ đau*

Tức cố tình phủ định các khổ đau mà mình đang có, không muốn cho ai biết, không chia sẽ, cũng không nhờ người khác góp ý, giúp đỡ để thông qua các kiến thức khách quan đó có thể cho chúng ta 1 giải pháp, 1 sự tham khảo.

Người phớt lờ khổ đau là những người liều mạng, ứng xử về vấn đề này, phần lớn chúng ta là những người vướng kẹt vào thái độ này.

* *Thái độ 3: Đào tẩu khỏi khổ đau*

Đây là thái độ tuyệt vọng và thất bại hoàn toàn trong việc xử lý khổ đau, do tự mình tạo ra hoặc là do cộng hưởng của nghiệp chúng liên quan hoặc tác động trực tiếp đến mình.

Người đào tẩu là người có thái độ đầu hàng trước số phận, có thể khổ đau đó diễn ra quá dồn dập trong 1 kiếp người, dồn dập đến độ sức chịu đựng của con người trở nên quá tải và do vậy con người phải trốn thoát khỏi hoàn cảnh khổ đau đó và nghĩ rằng bằng việc làm thiếu trách nhiệm này chúng ta đã thoát ra khỏi nổi đau.

VD: những người thiếu nợ nghĩ rằng chỉ cần đổi địa chỉ về đến nơi khác, xa lánh mọi người, đổi tên họ nhằm nghĩ rằng luật pháp và chủ nhợ ko tìm ra được ta. Đào tẩu ko phải là một giải pháp, nợ nổi khổ niềm đau không trả lúc này thì ta trả ở một lúc khác.

Càng về già năng lực càng mòn mỏi, năng lực để kết thúc khổ đau yếu dần đi. Do đó đạo Phật không dạy về việc đào tẩu khỏi khổ đau khi nhân xấu của nó đã đến lúc chín mùi.

Đây là 3 thái độ ứng xử rất tiêu cực trước nổi khổ niềm đau

*Trong bài kinh Tứ Thánh đế, Đức Phật phân chia nổi khổ niềm đau thành 2 nhóm*

*Các khổ đau liên hệ đến thân thể* *gồm:* *sanh, già, bệnh, chết.*

Khi nói sanh là khổ thì nhiều người không đồng tình với quan điểm này, nhất là các chị em phụ nữ, vì khi họ sanh được 1 người con của họ thì đây phải là niềm vui chứ? Để hiểu điều này một cách tường tận hơn thì ta cùng đi tìm hiểu về chữ khổ mà Đức Phật đề cập đến.

Trong các bài kinh Bali, Đức Phật đề cập đến chữ Duckha (dịch: khổ) có 3 lớp ý nghĩa:

* Không toại nguyện
* Bị sự chi phối của luật vô thường: sự thay đổi về thời gian như là một quy luật đối với mọi sự vật mà chúng ta đang yêu mến quý bị mất đi
* Nổi khổ về tâm, nổi đau trên cơ thể

Do đó khi dịch Duckha là khổ đau chúng ta mới phản ánh được lớp ý nghĩa thứ 3, còn 2 lớp ý nghĩa còn lại thì chúng ta lại không đề cập đến, do đó khi dịch sanh là khổ thì rất không chuẩn xác, trong ngữ cảnh này chúng ta nên dịch sanh là một sự kiện không hài lòng. Bởi vì có rất nhiều người mẹ người cha muốn con mình sinh ra là nam thì lại là nữ, là nữ thì lại là nam v.v… Sự kiện không hài lòng này như một quy luật vậy, chúng ta muốn tránh cũng ko được, do đó sanh, già, bệnh, chết đều dẫn đến tình trạng không thoả mãn ở chúng ta bởi quy luật chi phối vô thường và do đó dẫn đến nổi khổ niềm đau là chuyện chúng ta có thể chấp nhận được

*Về nổi khổ của tâm Đức Phật chia ra làm 4 nhóm:*

* Thương yêu mà phải chia ly
* Ghét nhau mà phải hội ngộ: ghét nhau mà phải gặp mặt nhau, tiếp xúc sự ứng xử của nhau, làm cho nhiều người bực tức, giận giữ, phản kháng, chống đối.
* Mong cầu mà không được toại nguyện: là điều mà phần lớn chúng ta bị vướng kẹt vào bởi các tham vọng thiếu nhân quả, bởi những lời cầu nguyện mà không có một chút sự thực hiện nào để cam kết và quyết tâm biến sự mong cầu của mình thành sự thật
* Chấp vào cơ thể, tâm vật lý này là thường hằng bằng cách này hay là cách nọ, bằng chủ nghĩa duy vật, chủ nghĩa duy tâm

Điều 3: Truy tìm nguyên nhân của khổ đau

Theo Đức Phật, phần lớn nổi khổ niềm đau của chúng ta dai dẳng và tăng dần đều là do chúng ta thất bại trong việc nhận diện đâu là nguyên nhân trực tiếp và gián tiếp của khổ đau.

Theo Đức Phật, toàn bộ các nguyên nhân của nổi khổ và niềm đau được chia làm 4 nhóm chính

*Nhóm 1: Những nổi khổ niềm đau do tham lam và tham ái gây ra*

* Tham lam là những lòng tham ích kỷ, vi phạm luật pháp mang bản chất lợi ích nhóm làm cho chúng ta bị vướng kẹt vào và bị luật pháp trừng phạt; nếu không bây giờ thì cũng là ở trong tương lai gần.
* *Nặng nhất trong nhóm nguyên nhân này là tham ái*. Tham ái gồm 3 loại: dục ái, hữu ái và vô hữu ái
* Dục ái là khao khát muốn tiếp tục hiện hữu, khao khát muốn có con, do đó chúng ta bị gắn kết những ước muốn, những điều không toại nguyện liên hệ đến sự kiện này. Dục ái là cái nặng nhất, vì đây là bản chất hạnh phúc của người tại gia và khổ đau cũng liên hệ đến nó. Toàn bộ điều hạnh phúc nhất, điều rắc rối nhất của kiếp người nằm ở “dục ái” của con người. Đây là nguyên nhân cốt lõi của toàn bộ nổi khổ và niềm đau.
* Vô hữu ái (vô là không, hữu là hiện hữu, vô hữu là không hiện hữu nữa, ái là khao khát mong đợi tôi kết thúc toàn bộ sự sống để kết thúc khổ đau) là thái độ chán chường, tuyệt vọng, bi quan, bế tắc và mong mỏi rằng tôi kiếp sau sẽ không làm người hoặc là tôi kiếp sau không làm người Việt Nam, tôi muốn kiếp sau trở thành cây thông đứng v.v... Biểu hiện đơn giản nhất của vô hữu ái là các loại hình tự tử do bế tắc, tuyệt vọng, cùng đường, quẫn trí, thiếu người nâng đỡ, thiếu giải pháp, thiếu tư vấn, thiếu hỗ trợ.
* *Nguyên nhân thứ hai là sân hận*
* Nặng nhất của sân hận là giết người: giết người cá thể, giết người tập thể hay là diệt chủng nhân loại, đều dẫn đến hậu quả nghiêm trọng nhất là vi phạm quyền sống của con người.
* Biểu hiện đơn giản nhất của sân hận là: không hợp tác, không hài lòng, bất đồng, ganh tị, hiềm khích, oán giận, mặc cảm, thành kiến biểu đạt qua sắc mặt, giọng nói, điệu bộ, cử chỉ, lối ứng xử. Hầu hết các rắc rối của kiếp người liên hệ đến các sắc thái, các cấp độ nặng, nhẹ, vừa của sân hận. Vợ chồng ly thân, ly dị, cha mẹ bị con cái bất hiếu, con cái xem thường cha mẹ, anh chị em tranh chấp lẫn nhau đều ít nhiều liên hệ đến tâm sân và tâm tham
* *Nguyên nhân thứ 3 là si mê*: tức là thiếu kiến thức về nhân, quả, thiếu ứng xử phù hợp với đạo đức, trái với luật pháp, mê tín di đoan, tin vào phong thuỷ, bói toán, tin vào tử vi, tin vào ngoại cảm, tin vào hên xui may rủi, tin vào thượng đế và các thần linh, tin vào số phận an bài, tin vào vận mệnh con người lệ thuộc vào thượng đế đều được liệt vào nhóm *vô minh* tức là *sự si mê*; và ở một cách thức tương đối nào đó, toàn bộ các nổi khổ của chúng ta đều bị chi phối bởi vô minh. Chổ nào có vô minh chổ đó có tham ái và sân hận; chổ nào còn tham ái và sân hận chổ đó còn đồng hành với vô minh; do đó vô minh là cái bóng đi theo hình dạng của sân hận và tham ái
* Đây là 3 nguyên nhân phần lớn dẫn đến nổi khổ, niềm đau của kiếp người
* *Nguyên nhân 4 là sự chấp thủ*, chấp thủ có nhiều dạng:
  + Chấp cho rằng chết là hết, thiếu trách nhiệm đạo đức đối với các hành vi.
  + Chấp cho rằng nguồn gốc của trái đất và sự sống là do thượng đế.
  + Chấp cho rằng nguồn gốc của vạn vật là vật chất.
  + Chấp cho rằng tâm tạo ra mọi sự vật, hiện tượng.
  + Chấp cho rằng con người mới có mặt ở kiếp này

Đều được xem là các loại hình chấp thủ khác nhau, từ đó dẫn đến lý tưởng sống, ý thức hệ chính trị, ý thức hệ triết học, ý thức hệ tôn giáo và chủ nghĩa kinh nghiệm. Người ta có khuynh hướng cho rằng những gì mình tư duy chủ trương hoặc trường phái mình công bố là chân lý, những gì khác với hoặc ngược lại với tôi hoặc với chủ trương của tôi đều là sai lầm. Tất cả các quan điểm đó đều được xem là chấp thủ. Tôn giáo có mức độ chấp thủ nhiều nhất, nhất là về phương pháp giải quyết khổ đau.

* Ấn Độ giáo thì chủ trương khổ hạnh ép xác
* Nho giáo cho rằng thân thể là nguồn gốc của mọi tội lỗi

Theo Đức Phật, đây là 2 thái cực trong việc nhận diện sai lầm nguồn gốc của khổ đau, từ đó dẫn đến những chấp chước cho rằng phải khổ hạnh, ép xác mới giải quyết được khổ đau còn không làm như thế thì khổ đau vẫn còn y nguyên hoặc cho rằng thân này là nguồn gốc của khổ, cho nên kết thúc sự sống thì khổ kết thúc, đó là những nhìn nhận mang tính thái cực và chấp trước. Có nhiều người ngoan cố, núp bóng dưới hình thức lập trường, tức là khó lắng nghe, khó cảm nhận, khó tiếp thu những điều mới, lúc nào cũng bảo vệ quan điểm sai lầm của mình. Những người như vậy gọi là chấp thủ.

Theo Đức Phật trong kinh Trường Bộ